

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 22/8/2022.

V/v “*Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KT, TỈNH HD

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Minh và bà Đồng Thị Mây.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KT tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện KT mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoài S, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967, đều trú tại: Thôn An Điền Xuân, xã Cộng Hòa, huyện NS, tỉnh HD. (*Bà L ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng*)

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1974 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1977, đều có địa chỉ: Thôn Thiện Đáp, xã KX, huyện KT, tỉnh HD.

(*Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn trình bày:*

Từ năm 2011 đến ngày 19/8/2012, vợ chồng ông S, bà L bán cám chăn nuôi cho vợ chồng anh H, chị H với tổng số tiền bán cám là 316.807.000 đồng; anh H, chị H tự ghi sổ tiền chốt nợ vào Sổ bán cám chăn nuôi của vợ chồng ông S, bà L. Sau đó, anh H và chị H tiếp tục mua cám chăn nuôi của ông S, bà L và đã nhiều lần thanh toán cho ông S, bà L tiền mua cám chăn nuôi; mỗi lần thanh toán đều ký nhận vào sổ bán hàng của ông S, bà L. Tính đến ngày 13/8/2019, anh H và chị H còn nợ ông S, bà L tổng số tiền là 163.537.000 đồng. Kể từ đó đến nay, mặc dù ông S, bà L nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh H, chị H thanh toán tiền mua cám chăn nuôi còn nợ nhưng vợ

chồng anh H không thanh toán nên ông S, bà L khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị H phải trả cho vợ chồng ông S, bà L số tiền nợ gốc là 163.537.000 đồng; không yêu cầu Bị đơn phải trả lãi suất đối với số tiền còn nợ tính đến thời điểm xét xử.

*** Quan điểm của bị đơn:** Quá trình giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện KT nhiều lần triệu tập hợp lệ Bị đơn là anh H, chị H đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, bà L nhưng anh H và chị H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như bản sao Đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo Đơn khởi kiện cho Bị đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ chưa thanh toán là 163.537.000 đồng; không yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền còn nợ tính đến thời điểm xét xử.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KT:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 158, 166, 274, 275, 280, 288 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài S và bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị H phải liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông S, bà L số tiền 163.537.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ nên thuộc tranh chấp theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang cư trú và sinh sống tại xã KX, huyện KT, tỉnh HD nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện KT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 15/8/2022 Tòa án nhân dân huyện KT đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên

tòa, Giấy triệu tập. Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn có mặt, Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, anh H, chị H đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, bà L và cung cấp tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh H, chị H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành giao bản sao các tài liệu chứng cứ nộp kèm Đơn khởi kiện, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ đều được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho Bị đơn; nhưng Bị đơn không phản đối các tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản do Nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp là sổ ghi chép việc mua bán; nội dung chốt số tiền nợ giữa vợ chồng ông S, bà L và vợ chồng anh H, chị H về việc mua bán cám chăn nuôi cùng lời khai của Nguyên đơn tại giai đoạn Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ cũng như tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Tính đến ngày 13/8/2019, vợ chồng anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị H còn nợ vợ chồng ông S, bà L tổng số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 163.537.000 đồng. Việc mua cám chăn nuôi của vợ chồng anh H, chị H nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình nên xác định số tiền nợ của anh H, chị H với ông S, bà L là nợ chung vợ chồng nên anh H và chị H đều phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền này. Từ những nhận xét nêu trên, xét thấy ông S bà L khởi kiện yêu cầu anh H, chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ áp dụng quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] *Về lãi vay:* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi tính đến thời điểm xét xử đối với số tiền nợ nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 158, 166, 274, 278, 280, 351; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

2. *Xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài S và bà Nguyễn Thị L.

Buộc anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoài S và bà Nguyễn Thị L số tiền là: 163.537.000 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. *Về án phí*:

- Anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Thị H phải chịu 8.176.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả ông Nguyễn Hoài S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh HD là 4.088.425 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2020/0004774 ngày 01/6/2022.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Nguyên đơn, vắng mặt Bị đơn. Đã báo cho Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi gửi:

- VKSND huyện KT;
- Chi cục THADS huyện KT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa